



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015



**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

Đ  
CỔ  
Ả PH  
MI  
TPA

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở Hợp đồng liên doanh giữa Tổng Công ty Sông Đà, Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Công ty Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000052 ngày 03 tháng 04 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09 tháng 01 năm 2015 với mã số là 4200519791. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 08/QĐ-TTGDHN ngày 07/01/2009 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SEB. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/01/2009.

*Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng*

*Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015: 200.000.000.000 đồng.*

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 10 Lam Sơn, Phường Phước Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84) 0583 878092
- Fax: (84) 0583 878093
- E-mail: mientrungpid@gmail.com
- Website: www.mientrungpid.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, công trình điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Nhà nghỉ kinh doanh du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán đá, cát, sỏi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác, chế biến đá, cát, sỏi;

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Giáo dục nghề nghiệp: Hướng dẫn và đào tạo đội ngũ vận hành Nhà máy thủy điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Chế biến đá xây dựng.

### **Công ty con: Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom**

#### *Trụ sở chính*

Địa chỉ: Thôn K8, Xã Vĩnh Sơn, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84) 056.6544393- 056 3884236

Fax: (84) 056.3884236

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

Sản xuất và kinh doanh điện;

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện);

Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp);

Xây dựng công trình đường bộ;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, công trình điện 110KW);

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thiết bị điện nước);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; văn phòng cho thuê);

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ);

Đại lý du lịch (Chi tiết : Dịch vụ du lịch);

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán thiết bị xây dựng);

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

#### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 55 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                        |              |                              |
|------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Đinh Quang Chiến | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 17/04/2014     |
| • Ông Vi Việt Dũng     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013 |
|                        |              | Miễn nhiệm ngày 17/04/2014   |
| • Ông Phạm Sỹ Hùng     | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/06/2014     |
| • Ông Trần Đình Nhân   | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013 |
|                        |              | Miễn nhiệm ngày 28/06/2014   |



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Mai Huy Tuấn                      Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 28/06/2014
- Ông Nguyễn Đức                      Thành viên                                      Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013
- Ông Nguyễn Hoài Nam              Thành viên                                      Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013

### *Ban Kiểm soát*

- Ông Trịnh Giang Nam              Trưởng ban                                      Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013
- Ông Đinh Thế Giới                      Thành viên                                      Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2013
- Ông Trần Quang Hiện              Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 03/04/2013

### *Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- Ông Nguyễn Hoài Nam              Tổng Giám đốc                              Bổ nhiệm lại ngày 26/03/2010
- Ông Lê Quang Đạo                      Kế toán trưởng                              Bổ nhiệm ngày 13/05/2003

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN  
MIỀN TRUNG

**Nguyễn Hoài Nam**

Nha Trang, ngày 03 tháng 08 năm 2015





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 799/2015/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 03/08/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (\*) Thuyết minh số 10, Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Ea Kronggrou. Việc thay đổi này làm chi phí khấu hao tài sản cố định 6 tháng đầu năm 2015 giảm 7.747.537.765 đồng so với cùng kỳ năm trước.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.542.185.223</b>	<b>43.213.486.076</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.326.060.242</b>	<b>7.707.820.426</b>
1. Tiền	111	5	15.326.060.242	2.207.820.426
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	12.000.000.000	5.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.174.159.526</b>	<b>26.040.124.861</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	23.545.949.545	16.792.941.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.429.072.804	6.513.440.646
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.199.137.177	2.733.742.478
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.950.556.982</b>	<b>2.988.191.913</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	2.950.556.982	2.988.191.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.091.408.473</b>	<b>6.477.348.876</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.060.465.665	6.373.857.634
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		30.942.808	103.491.242
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>858.895.531.298</b>	<b>854.994.765.982</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>765.249.884.698</b>	<b>147.137.835.595</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	754.714.870.840	136.579.222.483
- Nguyên giá	222		1.021.745.326.690	383.290.385.549
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(267.030.455.850)	(246.711.163.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	10.535.013.858	10.558.613.112
- Nguyên giá	228		10.874.804.160	10.874.804.160
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(339.790.302)	(316.191.048)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>24.694.407.417</b>	<b>704.708.787.790</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	24.694.407.417	704.708.787.790
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>68.951.239.183</b>	<b>3.148.142.597</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	66.408.829.593	456.581.063
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	94.737.544
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14	2.542.409.590	2.592.823.990
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	4.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>928.437.716.521</b>	<b>898.208.252.058</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A.</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>590.354.025.970</b>	<b>583.474.884.186</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.749.317.308</b>	<b>151.590.677.120</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	56.536.407.264	45.871.176.054
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.471.722.819	4.000.480.125
3.	Phải trả người lao động	314		862.507.914	2.893.707.541
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.818.365.312	6.542.702.710
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	52.245.518.829	52.896.425.348
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	61.254.745.259	37.348.808.384
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.560.049.911	2.037.376.958
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>404.604.708.662</b>	<b>431.884.207.066</b>
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	404.604.708.662	431.868.018.248
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	16.188.818
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>338.083.690.551</b>	<b>314.733.367.872</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>338.083.690.551</b>	<b>314.733.367.872</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	20	49.864.750	49.864.750
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	20	-	158.120.419
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6.396.645.635	1.965.345.629
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	4.333.351.149	1.816.004.668
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	44.569.947.016	34.280.705.328
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		280.705.328	3.849.021.666
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.289.241.688	30.431.683.662
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	21	82.733.882.001	76.463.327.078
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>928.437.716.521</b>	<b>898.208.252.058</b>

**Tổng Giám đốc**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN  
MIỀN TRUNG  
SỞ KẾ TOÁN QUẢN LÝ  
TÀI CHÍNH VÀ THUẾ  
TP. NHA TRANG

**Nguyễn Hoài Nam**

Nha Trang, ngày 03 tháng 08 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Lê Quang Đạo**

**Người lập**

**Hoàng Thị Thanh Vân**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	119.524.133.629	59.615.386.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	22	119.524.133.629	59.615.386.240
4. Giá vốn hàng bán	11	23	29.119.064.446	24.599.984.474
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>90.405.069.183</u>	<u>35.015.401.766</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	532.655.837	312.716.448
7. Chi phí tài chính	22	25	20.678.716.453	3.108.195.884
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.377.782.679	2.492.900.718
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.440.632.041	4.237.580.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>62.818.376.526</u>	<u>27.982.341.741</u>
11. Thu nhập khác	31	26	1.800.000	
12. Chi phí khác	32	28	78.874.065	19.170.104
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(77.074.065)</u>	<u>(19.170.104)</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<u>62.741.302.461</u>	<u>27.963.171.637</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.306.079.999	1.444.580.603
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	78.548.726	(174.419)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>60.356.673.736</u>	<u>26.518.765.453</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.755.234.656	26.514.790.343
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.601.439.080	3.975.110
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.562	1.977
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.562	1.977



**Nguyễn Hoài Nam**

Nha Trang, ngày 03 tháng 08 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Lê Quang Đạo**

**Người lập**

**Hoàng Thị Thanh Vân**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.741.302.461	27.963.171.637
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	20.342.892.038	15.060.399.788
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04	1.122.582.989	602.685.843
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(295.732.733)	(312.716.448)
- Chi phí lãi vay	06	19.377.782.679	2.492.900.718
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	103.288.827.434	45.806.441.538
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.385.097.823)	(6.908.436.528)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	88.049.331	37.147.095.510
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể	11	(1.698.450.744)	(38.611.636.770)
lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.099.223.319	562.289.585
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.444.247.606)	(2.421.365.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.714.237.785)	(1.550.982.596)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.246.755.000)	(421.932.340)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>76.987.311.126</b>	<b>33.601.473.340</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(19.338.738.123)	(79.442.958.296)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	295.732.733	310.383.448
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(19.043.005.390)</b>	<b>(82.132.574.848)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	15.695.266.386	72.732.291.944
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.168.704.511)	(38.773.568.205)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.849.384.401)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(38.322.822.526)</b>	<b>33.958.723.739</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>19.621.483.210</b>	<b>(14.572.377.769)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>7.707.820.426</b>	<b>21.836.394.967</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.243.394)	(515.677)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>27.326.060.242</b>	<b>7.263.501.521</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
Nguyễn Hoài Nam

**Kế toán trưởng**  
  
Lê Quang Đạo

**Người lập**  
  
Hoàng Thị Thanh Vân

Nha Trang, ngày 03 tháng 08 năm 2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng liên doanh giữa Tổng Công ty Sông Đà, Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000052 ngày 03 tháng 04 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 4200519791. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 08/QĐ-TTGDHN ngày 07/01/2009 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SEB. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/01/2009.

#### 1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, công trình điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Nhà nghỉ kinh doanh du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán đá, cát, sỏi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác, chế biến đá, cát, sỏi;
- Giáo dục nghề nghiệp: Hướng dẫn và đào tạo đội ngũ vận hành Nhà máy thủy điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Chế biến đá xây dựng

#### 1.3. Cấu trúc tập đoàn

Công ty chỉ có 01 Công ty con và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: Trong năm, tập đoàn không tái cấu trúc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Công ty con được hợp nhất:** Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom

- o Địa chỉ trụ sở chính: Thôn K8, Xã Vĩnh Sơn, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất kinh doanh điện năng.
- o Vốn điều lệ: 230.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 66,73%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 66,73%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **4.1.3. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao	
	Năm 2015	Năm 2014
Nhà cửa, vật kiến trúc	6,6	6,6
Máy móc, thiết bị	3 – 10	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 7	6 – 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5	3 – 5
Tài sản cố định khác ( Nhà máy thủy điện Ea Kronggrou)	9 - 20	9 – 18



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nhà máy thủy điện Ea Kronggrou đi vào hoạt động từ tháng 6/2007 với tổng nguyên giá đầu tư 372.804.860.639 đồng. Trong các năm trước Công ty đã thực hiện khấu hao các TSCĐ của nhà máy theo khung từ 9 đến 18 năm (tùy theo từng loại tài sản). Đến 31/12/2014, giá trị còn lại của Nhà máy là 135.061.870.449 đồng. Như vậy, sau gần 8 năm hoạt động, Công ty đã khấu hao đến 63,77% giá trị của Nhà máy. Đầu năm 2015, Ban điều hành quyết định điều chỉnh tăng thời gian khấu hao các tài sản thuộc Nhà máy (theo khung từ 10 đến 20 năm tùy loại tài sản) do nhận thấy các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên, vận hành ổn định và thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này có thể kéo dài hơn nhiều so với ước tính trước đây (Xem Thuyết minh số 10).

### **4.1 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
Phần mềm máy tính	5



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.7 Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Tiền dịch vụ môi trường rừng: được xác định theo sản lượng điện năng sản xuất và đơn giá quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 09 năm 2010.
- Chi phí bảo dưỡng đường điện: được xác định theo hợp đồng đã ký với Công ty truyền tải điện lực Khánh Hòa
- Chi phí hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, chi phí tổ chức Đại hội cổ đông, thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát xác định theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 18/04/2015.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Công ty mẹ được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Ea Krongrou như sau:
    - Áp dụng thuế suất 15% trong 2 năm 2007-2008;
    - Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 13 năm kể từ năm 2009 (2009-2021);
    - Miễn thuế 4 năm từ năm 2007 (2007-2010);
    - Giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (2011-2019).

Các ưu đãi này được quy định tại Công văn số 1094/CT-TTHT ngày 23/03/2009 của Cục Thuế Tỉnh Khánh Hòa.

- ✓ Công ty con được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Trà Xom như sau:
  - Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm 2015 (2015 - 2029)
  - Miễn thuế 04 năm từ năm 2015 (2015 - 2018)
  - Giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (2019- 2027)

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên được quy định tại điểm 1, mục II và III, phần H của Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

- Tiền thuê đất.
  - ✓ Công ty mẹ:
    - Được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng công trình nhà máy thủy điện Ea Krongrou trong suốt thời gian xây dựng dự án và 11 năm kể từ khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng (Theo khoản 3 và khoản 4.c điều 14 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP).
    - Được giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất được giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Theo khoản 3.b điều 1 nghị định số 44/2008/NĐ-CP).
  - ✓ Công ty con:
    - Công ty được miễn tiền thuê đất của dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom trong 15 năm kể từ ngày dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom hoàn thành đi vào hoạt động.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.